TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2020/HNGĐ-ST
Ngày:16-3-2020.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Ông Nguyễn Thanh Dũ

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Văn Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:258/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:03/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*: Anh Đoàn Thanh Q**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp TV, xã TL, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

***2. Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Cẩm N**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt anh Q, chị N1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Đoàn Thanh Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Cẩm N sống chung năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/8/2018. Quá trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, thời gian mâu thuẫn kéo dài. Anh chị tự nhận thấy không thể tiếp tục sống chung nên đã ly thân gần 02 năm. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm N. Về con chung, anh và chị Nguyễn Thị Cẩm N có một con chung tên là Đoàn Phúc N, sinh ngày 27/9/2018, hiện nay cháu N đang sống chung với chị N. Khi ly hôn anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi

cháu N đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung, anh xác định anh và chị N không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày: Chị thừa nhận quan hệ hôn nhân như anh Q trình bày là đúng. Chị thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Q có nhiều mâu thuẫn, cự cải nên vợ chồng đã không còn sống chung gần 02 năm. Nay anh Q yêu cầu ly hôn, chị đồng ý. Về con chung chị thừa nhận anh Q khai là đúng, chị đồng ý trực tiếp nuôi con chung, tuy nhiên chị không đồng ý mức cấp dưỡng 1.000.000đồng, chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng. Về tài sản chung, nợ chung, chị xác định chị và anh Q không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Q, chị N vẫn giữ nguyên ý kiến, anh chị thống nhất ý kiến thuận tình ly hôn, thỏa thuận con chung giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên về mức cấp dưỡng nuôi con chị N yêu cầu mỗi tháng 2.000.000đồng, anh Q chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng. Về tài sản chung, nợ chung anh Q, chị N không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của các bên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Đoàn Thanh Q yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N có nơi cư trú tại khu phố 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Thanh Q và chị Nguyễn Thị Cẩm N sống chung có đăng ký kết hôn năm 2018, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung giữa anh Q và chị N xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, anh chị cho rằng mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết được nên anh chị đã không còn sống chung hơn một năm nay. Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh Q vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị N và chị N cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị N không còn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Thanh Q.

[3] Về con chung: Anh Đoàn Thanh Q và chị Nguyễn Thị Cẩm N có một đứa con chung là Đoàn Phúc N, sinh ngày 27/9/2018. Khi ly hôn anh Q, chị N thống nhất thỏa thuận cho chị N trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu N đang sống chung với chị N và việc thỏa thuận nuôi con giữa anh Q và chị N là tự nguyện nên căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận nuôi con khi ly hôn giữa anh Q và chị N, giao con chung Đoàn Phúc N, sinh ngày 27/9/2018 cho chị N trực

tiếp nuôi dưỡng, anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng: Chị N yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng, anh Q chỉ đồng ý mức cấp dưỡng 1.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định pháp luật mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, anh Q thừa nhận thu nhập mỗi tháng 3.000.000đồng từ việc phụ cha anh đi sà lan chở hàng thuê, hiện tại anh sống chung với cha mẹ ruột cùng 01 người chị gái, 01 em trai và 01 đứa cháu còn nhỏ, sà lan là tài sản của gia đình anh, ngoài ra, gia đình anh còn canh tác hơn 01 mẫu đất, người chị và người em của anh đều có công việc làm, có thu nhập ổn định, mọi chi phí sinh hoạt ăn uống hằng ngày của bản thân anh đều được cha mẹ anh lo hết, số tiền 3.000.000đồng là của cha mẹ anh cho riêng hàng tháng, do vậy mức cấp dưỡng 1.000.000đồng anh Q chấp nhận là thấp so với khả năng thực tế của anh; chị N thừa nhận thu nhập bình quân của chị mỗi tháng 4.000.000đồng đến 5.000.000đồng nên bản thân chị N cũng có điều kiện nuôi con và nghĩa vụ nuôi con là của cả anh Q và chị N nên N yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng là cao so với thu nhập, khả năng thực tế của anh Q. Căn cứ khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị N, buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung Đoàn Phúc N, sinh ngày 27/9/2018 mỗi tháng 1.500.000đồng, thực hiện cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Đoàn Phúc N đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đoàn Thanh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Thanh Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm N.

2. Về con chung: Giao con chung Đoàn Phúc N, sinh ngày 27/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đoàn Thanh Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng:

Buộc anh Đoàn Thanh Q cấp dưỡng nuôi con chung Đoàn Phúc N, sinh ngày 27/9/2018, mỗi tháng 1.500.000đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), thực hiện cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Đoàn Phúc N đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Cẩm N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Đoàn Thanh Q còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Anh Đoàn Thanh Q phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000đồng án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh Đoàn Thanh Q đã nộp theo biên lai thu số 20137 ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Anh Đoàn Thanh Q còn phải nộp 300.000đồng.

6. Về quyền kháng cáo:

Anh Đoàn Thanh Q, chị Nguyễn Thị Cẩm N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND TT. M, TP, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương